

## PHỨC CẢM PHI LÍ TRONG THI GIỚI TÔ THÙY YÊN

Bùi Bích Hạnh

Nhận bài:

16 – 05 – 2015

Chấp nhận đăng:

01 – 11 – 2015

<http://jshe.ued.udn.vn/>

**Tóm tắt:** Tô Thùy Yên là nhà thơ hiện sinh miền Nam thời chiến với tư duy nghệ thuật của phức cảm phi lí. Nhà thơ của những hình hài thương tật thời gian đã đóng vai người xa lạ, mở xẻ phức cảm hiện sinh để chạy trốn những thống khổ của thân phận con người. Thi giới Tô Thùy Yên khởi nguồn từ cảm thức lạc loài với những cơn nổi loạn thân xác, đối diện với cảm thức thời gian giãy chết. Trong cái nhìn ám ảnh với những hình hài của mối lo, mối sợ, hữu thể trong thi giới Tô Thùy Yên vung vãi đi tìm lời đáp cho định đề phi lí. Thời gian, không gian, con người trong triết lí Tô Thùy Yên cùng chung định mệnh chấn thương. Tác giả xây dựng quan niệm nghệ thuật trên sự hiện thân của tâm thức hiện sinh.

**Từ khóa:** phi lí; hữu thể; Tô Thùy Yên; quan niệm nghệ thuật; tâm thức hiện sinh.

### 1. Đặt vấn đề

Tô Thùy Yên là người nghệ sĩ lập ngôn cho những phạm trù của “cái khác”, mang cảm thức của chủ nghĩa hiện sinh (existentialism), gây dư chấn không gian văn học miền Nam những thập niên giữa thế kỉ XX với quan niệm nghệ thuật về con người phi lí. Con người thoái đọa trong cảm thức lạc loài, hành xử với thân vị từ tâm thể của kẻ vay nợ quá khứ để đối thoại với trạng thức cô đơn chiêm mộng. Trong cái nhìn ám ảnh về những hình hài của mối lo, mối sợ, chủ thể trong thi giới Tô Thùy Yên vung vãi đi tìm lời đáp cho định đề phi lí. Thời gian, không gian, con người cùng chung định mệnh chấn thương. Sinh nở sản phẩm thơ ca trong bối cảnh “đêm mất xác không gian”, thi sĩ xây dựng tư duy hiện sinh phi lí trên hiện thân của con người xa lạ. Với sinh mệnh nhà thơ của những ca tụng, đối thoại với thân xác, Tô Thùy Yên đã vạch ra định hạn cho ý nghĩa tự thân (corps propre), con người được nhìn ngắm trong tư cách *tôi* sở hữu xác *tôi* đồng thời *tôi* là xác *tôi*. Chính phạm trù thân xác chủ thể của hiện sinh tạo ra tương tác giữa chủ thể trữ tình với vũ trụ, nhân sinh hiện hữu. Thi giới Tô Thùy Yên là phức cảm của kẻ lãng du *quên nỗi kinh*

*hoàng bé mọn.*

### 2. Cơn nổi loạn thân xác

“Liều lĩnh sống, liều lĩnh sáng tạo cuộc đời mình theo cánh bay của ó biển, theo đôi mắt của quạ đen” [11, tr.111]. Có thể mượn hành vi *liều lĩnh sáng tạo* của Rimbaud để gọi tên cho tâm lí sáng tạo của một lớp nhà thơ đô thị miền Nam thời chiến. Tô Thùy Yên là một trong số thi sĩ dám đi *trên bước đi của Rimbaud*. Mô hình ý niệm *tôi* - thân xác *tôi* của triết gia hiện sinh Marcel là một trong những khởi đầu cho thái độ con người hiện sinh. Ý thức về thân xác trong con cọ xát với huyền thể<sup>1</sup> thực chất là thiết lập trường tham dự của thể

---

<sup>1</sup>“Cái mà tôi dẫn thân”, theo Marcel là huyền thể để tách bạch với cái “nghi đề” được tạo nên bởi tâm thể *tôi* với khách thể đối diện với *tôi*, đối diện với cả bi kịch ngoài *tôi*; trong khi đó *huyền thể* phải là ý thức tham dự của con người để hiện thân (incarnation). Xem thêm [2].

tính, bao hàm cả hành xử của kẻ dẫn thân và cả hiện thân của kẻ trốn chạy. Hành vi ca tụng thân xác của chủ nghĩa hiện sinh đưa con người đến với sự bảo hộ của ý thức tham dự như một động thái tạo quyền lực cho *tôi* với tha nhân. Chịu ảnh hưởng của tuyên ngôn ca tụng thân xác, Tô Thùy Yên nổi loạn ngay trong ý niệm thân xác. Không thể là *tôi* ngoài *tôi* mà *tôi* tham dự vào phận *tôi*, *tôi* phản tư. Trong khí hậu nồm mùa thuốc súng

---

\* Liên hệ tác giả

Bùi Bích Hạnh

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Email: thachthao111@gmail.com

chiến tranh, ý niệm về thân xác như hành vi hiện tồn của hữu thể (Beings) là quan niệm nghệ thuật về con người tham dự trong tư duy Tô Thùy Yên. Xác quyết thân xác là hiện thân của *tôi*, người nghệ sĩ đặt ra ý nghĩa sự hủy diệt thân xác, thực chất là bi kịch cuộc đời chôn vùi trong hoang lạnh, tan rã, mục ruỗng. Tâm thức người sống trong lòng đô thị miền Nam, lưu vong ngay giữa đám đông cô đơn đã đẩy thế giới tinh thần của người thơ đến với sự ca tụng thân xác, hiện thể của yếu tính vong thân. Chọn tha nhân là người tình bi thảm, *tôi* lật xới trong vô tình thiên nhiên sự trần lẩn của cái ác, cái độc hủy hoại phận người: *Em vùi xác anh dưới lớp tro mùa thu/ Khuôn mặt ủ ê em bật trận mưa dầm/ Tâm thít xương anh lạnh lùng rã mục/ Bùng nổ loài nấm độc tên bi thương (Trối trắng).*

Bàn về sự nổi loạn trong thơ Tô Thùy Yên, sẽ chạm đến ảnh tượng của chấn thương tinh thần, là nền tảng tạo nên vô thức cá nhân. Cảm thức hiện sinh trong Tô Thùy Yên có mối liên lụy với mặc cảm tâm phân học. Phạm trù thương tật thời gian cũng xuất phát từ những va chấn của bối cảnh đời sống miền Nam thời chiến. Hiện tượng thơ Tô Thùy Yên có những kí mã thăm mĩ biểu hiện tính đa diện trong quan niệm nghệ thuật. Tự thân sáng tạo nghệ thuật Tô Thùy Yên là phức thể của những tương tác văn bản: hiện sinh, phân tâm, siêu thực. Ấn tượng màu sắc siêu thực trong hồn thơ ấy tựu trung ở chủ thể - kẻ lãng du. Trong *mộng寐*, trong *hư vô*; trong những bào ảnh của thế giới hư hao huyền nhiệm. Sáng tạo của kẻ hiện sinh, ẩn sâu cùng là phần vô thức tiềm tại như bản năng của sáng tạo nghệ thuật. Bởi thế nhà thơ trình hiện thi đàn miền Nam trong những trạng thái giằng xé, thốn thức giữa các miền nội cảm - phức cảm. Trong cõi hiện sinh đã có sự va chạm với nguyên lí siêu thực; hình thành nên con người lãng du như là quan niệm thăm mĩ, điểm nhấn cho ý thức hiện sinh mang tinh thần Tô Thùy Yên: *Hai đứa kéo nhau chạy vào mộng寐/ Giờ tắt thở nằm trên bãi hư vô/ Bầy ngựa chứng hàng thù dương vô bão/ Biển đưa trắng lặn vào đá tiếng ru (Tội nghiệp).* Không gian cõi mộng, chiêm bao phủ lên quan niệm *định mệnh* với ý nghĩa mơ về cõi chiêm mộng. Tạo vật trong thơ Tô Thùy Yên kéo con người vào với những thức nhận về *thần thoại*, *hư không*. Trong vai *gã du hành*, cái *tôi* phiêu du trong cõi huyền ảo, để mặc niệm với đời thực, chạy trốn đời thực. Diễn ngôn tự sự của *tôi* siêu thực chất đầy mộng寐: *Hỡi ôi, gió nổi lên cùng khắp/ Giục gã du hành rảo bước thôi!*

*Ta uống giếng hoang, ăn trái lạ (Và rồi tất cả sẽ người ngoài).* Con tinh thức du lãng cũng là dấu chỉ của tiềm thức, chiêm bao. Con người trong Tô Thùy Yên phân thân trong những xung động nội tâm. Đánh mất mình. Vong thân. Và tìm về với không gian vượt thoát mình. Đây là diễn ngôn đối thoại của người hiện sinh trần trụi và thế giới người mộng du. Sự va chạm này có thể lấy nguồn cơn từ những ẩn ức thân xác: *thây xác, đăm mê, u mê, phù thế, hồn ma...* Tác động vào ý thức sinh tồn của hữu thể là tầng sâu của vô thức cá nhân. Trong cơn mê sáng tạo, nhà thơ không thể bỏ chạy khỏi bi kịch bản năng; con người xáo trộn tự thân với những thôi thúc của giấc mơ, thậm chí cả những cơn ác mộng. Bản thể hiện sinh chung thủy với sự trì hoãn thời gian, kí thác qua những cơn mơ tàn rữa: *Ngọn đèn hư ảo chong linh vi/ Tháp trắng thời gian mái tóc em/ Tim đập đuổi ngoài thân nổi lạnh/ Hồn xa con đóm lạc sâu đêm (Góa phụ).* Dưới góc nhìn phân tâm học, hình hài của *tôi* trong những chấn động tâm lí nội cảm đều là hệ lụy tiềm tàng của ẩn ức. Đối với nhà thơ miền Nam, bức bối thống thiết của lòng đô thị trong thời chiến đã làm chấn động, hỗn loạn tâm thức sáng tạo của người nghệ sĩ. Rong chơi trong cõi mộng, song siêu thực trong Tô Thùy Yên e chỉ là cái cớ để phân thân giữa hình hài hiện sinh và vô thức. *Chim bay biển Bắc* có thể gọi là lời tự sự của một kẻ lãng du: *Có một gã du hành muôn nơi muôn năm trở về kể chuyện. Ý chừng kể để Hư không nghe. Lối tự sự mang tính huyền ảo của thi sĩ là diễn ngôn kết thành từ những mắt xích tận cùng của nỗi cô đơn thể tính. Khi bị xô ngã tại thân, *tôi* trình hiện tha nhân trong thế phân thân giữa các định đề hành xử với thân xác. Sự phối tụng ngôn ngữ thân xác trên nhiều góc độ trong con người thơ này cũng là hệ quả phức cảm bi kịch của kẻ sáng tạo. Những nghệ sĩ cách tân táo bạo như Thanh Tâm Tuyền, Phạm Công Thiện, Du Tử Lê, Tô Thùy Yên đã chiếm lĩnh diễn ngôn triết học Phương Tây, từ đó sáng tạo nên những thế giới nghệ thuật mang nhiều hình hài chủ thể. Chính điều này tạo thành tính liên chủ thể trong lược đồ sáng tác miền Nam, khi nghệ sĩ tri nhận các triết thuyết và sinh thành nên bản mệnh thơ không thuần nhất. Tô Thùy Yên, trong hành trình sáng tạo, đóng nhiều vai. Kẻ lãng du, kẻ cô độc, kẻ chìm trong vô thức; kẻ mang phức cảm nghệ thuật nhân vị.*

Bất an là tâm lí thường trực của lớp người quan niệm đời thực chỉ là cõi tạm. Họ sống trong bản tính khát thèm được phục sinh, được vùng vẫy trong nhu cầu

chứng thực sinh tồn. Thượng đế cũng không còn là đấng cứu rỗi những linh hồn vong thân, chỉ có người hiện sinh thực chứng chân lí mới đối mặt được với cơn lăm lặc bi kịch đời người. Tất cả là nỗi đau kinh động của hữu thể xác nhận sự tha hóa nơi *tôi* dần thân. Dấn thân để được hiện tồn. Thân xác lên tiếng đòi quyền lực mở xẻ tự thân với tha nhân. Tâm thể lạnh lùng của kẻ khác cũng là lời đáp tham dự của thân xác *tôi* trước cơn hiện sinh đi từ ý niệm hủy diệt đến niềm kiêu hãnh của loài người. Đó là lời *trối trắng* của thể giới người cảm nghiệm về ý nghĩa hữu vị thể của *tôi* (Dasein). Ý thức được mằm ác trên hình hài *mục ruỗng* cũng là nhu cầu lên tiếng sinh tồn của người thơ hiện sinh. Họ nổi loạn để chạy trốn thân xác, chối bỏ thực tại não nề và tham dự vào giải phẫu bản đồ bi thương của chiến tranh. Thân xác phân rã cũng là hiện thân của cơn phản kháng mà thể giới Tô Thùy Yên cảm nghiệm sâu sắc. Chạy trốn và bức bối trước thời đại tang thương là mở nút cho tấn kịch ý thức phản nộ. Tình yêu, cũng là siêu lí tình yêu, nơi đó người nghệ sĩ lập ngôn bằng trải nghiệm thân xác, kể cả hình hài thân xác *bi thể*. Tư trào hiện sinh là căn nền thai nghén những cơn biến loạn nhưng cũng chấp dính nên giá trị hiện tồn của con người. Sự va chạm thân xác trong siêu lí tình yêu Tô Thùy Yên là hệ lụy tất yếu của bi kịch cô đơn, kêu thét với chủ thể cô đơn để trình hiện thể tính của sự chạy trốn thực tại, khi kiếp người được định giá cùng với quá trình hủy diệt. Lời *trối trắng* trong thơ Tô Thùy Yên có thể xem là hình thái của diễn ngôn thân xác. Mà con người là hữu thể chịu trách nhiệm với nhu cầu tham dự giải phẫu bi kịch thân xác như quyền lực của kẻ tuyệt vọng, cố níu bám vào ý nghĩa thân xác trong hành trình đi từ hủy diệt đến phản kháng.

Trong cơn biến loạn của biển máu chiến tranh, chủ thể hiện sinh bị quan trọng cả cái nhìn về tình tự lứa đôi. Đây là hành vi xử sự với thân xác của chủ nghĩa hiện sinh, chủ nghĩa sinh tồn. Thanh Tâm Tuyền cũng lập ngôn về thân xác trên khuôn hình lõa thể của biểu tượng thiên nhiên. Đây là niềm mê, ám ảnh của phận người trong hình hài vũ trụ. *Trăng mọc lõa lồ/ Dưới bia rừng vây bủa/ Con trắng độc vật nhả rớt bãi xanh lè/ Như muôn ngàn mũi kim châm/ Thân phơi khờ dại/ Cùng gió đảo điên trên vòm trống (Tặng phẩm)*. Còn tính năng của hữu thể trong quan niệm nghệ thuật Tô Thùy Yên là sự xâm phạm của thực tại vào thân phận, khiến loài người nương vào tôn giáo của sự phản thân; đó là phủ

nhận hình hài hữu thể. Trong cơn bão loạn đời người, họ chối bỏ hình hài hiện thể, để chứng thực cho một cõi khác mà con người mắc vào cơn va đập giễu cợt của mê khúc bi đát. Sụp đổ niềm tin, *tôi* xác tín trong niềm tin mình cô độc. Đây cũng là cách thể con người trong thơ Tô Thùy Yên định giá cho phận người đơn độc: *thân trần đứng lẻ giữa đồng tron*. Như khi Camus lập thuyết cho con người phi lí, với huyền thoại Sisyphé cất tiếng đòi trả lại giá trị tồn vong. Quyền năng của hữu tại thể, trong chủ nghĩa phi lí chính là gọi dậy ý thức thân xác. Tảng đá đè nặng khối mâu thuẫn bi kịch vô nghĩa lí nhưng chính xác quyết cái vô nghĩa lí ấy lại là lời xác quyết hơn cả cho kinh nghiệm thân xác của con người hiện sinh trong thơ Tô Thùy Yên. Con người chìm vào cõi cô độc, song lại thêm mang phận cô độc. Bởi chỉ trong ám tượng cô độc, con người mới hiện hữu như hình thái Dasein: *Đau khổ như biển khơi, trên mặt cuồng điên mà dưới đáy im lìm, anh chìm xuống đó sâu thêm, càng ngày càng lặng lẽ (Nói với một người bạn gái)*. Với không gian tàn tạ, *tôi* bút phá đòi phân thân với thể giới bão loạn, chỉ để ném đủ cảm giác phi lí cực độ của tự tôn thân xác dẫu đó là niềm bi phần trốn chạy thân xác một cách phi lí, bi thương. Dấu chỉ cho niềm bi phần này là tâm thức nổi loạn mang tinh thần phản kháng của chủ thể đeo đuổi sự phủ định cái phi lí của tha nhân đang đối thoại với *tôi* bi kịch, tuyệt vọng. Đó cũng là lí do để người thơ cất tiếng bùng bít vết thương tổn hại tinh thần từ nỗi đau chiến tranh vùi lấp sinh mệnh con người. Tô Thùy Yên gọi lên từ không gian đảo điên, loạn lạc một triết lí trần trụi với tư cách hiện thể của những *vết thương tươi*: *Trời da thi thể mưa người chắm than (Trời mưa đêm xa nhà)*.

Không chỉ là sự mặc khải thân xác, thể giới thơ Tô Thùy Yên còn đi vào diễn trình của sự hóa thân, dù đó là hóa thân từ những mảnh vỡ của hình nhân tha hóa. Diễn ngôn *thoát xác, giả trang, làm thân một phiến nam châm dính những đau buồn* là cộng hưởng của cảm thức phân thân. Tự *tôi* vật thể hóa (chosifier) cơ cấu sinh hoạt tinh thần, để bóc ra từ trong dĩ vãng, ý tưởng, thân xác phạm trù nhân vị *tin tưởng* vào sự hiện hữu. Khước từ chữ *tôi* cũng là diễn ngôn tính thể của con người: *Tôi là thân xác tôi*. Như thể chỉ có ý niệm thân xác mới đưa con người đến với thể tính của chân lí, có cả khổ đau và vụn vỡ của kiếp nhân sinh. Nhân vị trong Tô Thùy Yên mang hơi hướng hiện sinh Marcel. Là cõi siêu việt để con người có được trải nghiệm thân xác với tha nhân, con

người cô độc cũng không thể tự thân cô độc, mà trong Tô Thùy Yên dường như hiện sinh của kẻ khác, rạo rục sự vẫy gọi của tha nhân. Chủ tính của tình yêu, theo hiện sinh trong quan niệm Tô Thùy Yên, là đường dẫn từ ý nghĩa huyền nhiệm tình yêu trong thuyết Marcel<sup>2</sup>.

Con người trong thơ Tô Thùy Yên hiện hữu như một sự hiện diện có nghĩa, đưa ra dự trữ cho *bản chất sắp thành của tôi* (Heidegger). Dự phóng là biểu tượng cho thế giới khai độ con người. Chính con người nổi loạn trong Tô Thùy Yên với tinh thần khước từ thực tại những năm 60 - 70 thế kỉ XX giữa không gian bị thiết của đám đông náo loạn, pha tạp, chét chóc đã đẩy hồn thơ này đến với cái *khả hữu*. Con người là có nghĩa theo phạm trù hiện hữu của Heidegger đã cấp cho người trong thi giới Tô Thùy Yên một tham chiếu ý nghĩa khác. Nơi đây hữu thể ném thân về phía trước, nơi con người *sẽ là*. Gọi đây là hành vi lục lợi bản chất người, cũng là vẫy gọi của yếu tính thơ Tô Thùy Yên: *Hề, ta trở lại gian nhà cỏ/ Sống tàn đời kẻ sĩ tàn mùa/ Trên dốc thời gian, hòn đá tuột/ Lăn dài, kinh động cả hư vô (Hề, ta trở lại gian nhà cỏ)*. Không phải chỉ dự phóng về tương lai mới là cách thể trình hiện của hiện sinh mà ở quan niệm này, hữu thể của Tô Thùy Yên đang ném mình về phía sau lưng, để chìm vào ảnh tượng quá khứ, hư vô tiêu tụy thân xác của sinh mệnh chiến tranh. Con

---

<sup>2</sup>Quan niệm của triết gia Marcel về huyền nhiệm hữu thể và huyền nhiệm tình yêu. Lấy tình yêu tôn giáo, Thượng đế làm nấc đo. Với mỗi hữu thể, không thể có hiện hữu đóng kín, chét cứng như *thế giới chét* mà nói với thế giới tha nhân qua hiện hữu vô hạn, tồn tại dưới dạng huyền nhiệm của hiện hữu; từ đó, Marcel đưa ra định thuyết nhân bản của hữu thể học, rằng sự kiện nguyên thủy và cao quý nhất của hữu thể học là tình yêu. Xem thêm [5].

người được nghiệm chứng dự phóng thân xác. Như một lời tự thú cơn biến động của thể tính trong sự trốn chạy thực tại, để đắm mình vào cơn dộng ném của phía trước về quá khứ đau thương: *dòng lệ - chiến tranh - điều hệ trọng - thành phố chợt bùng lên*. Trên dấu dài quá khứ hoang lạnh là ý thức nhân vị với thể tính của thân phận tình yêu. Con người cưỡng lại định mệnh, trong hoài nghi và cả phủ nhận hoài nghi với niềm tin dự phóng của tuổi đời chật chội *ác mộng*: *Anh yêu em, yêu nuôi*

*tuổi hai mươi/ Cõi chuyện đó như lần đi tuyết tích/ Trong nước trời lã đăng nghìn trùng/ Không nghe thấy cả tiếng mình độc thoại/ Anh yêu em yêu tuổi hai mươi/ Thấy trong lòng đời nở thật lẻ loi/ Một cánh mai nhị độ/ Thấy tình yêu như vận hội tàn đời/ Để xé mình khỏi ác mộng/ Mà người đàn ông mê tưởng suốt thanh xuân (Chiều trên phá Tam Giang)*.

Với ý nghĩa tha nhân là đích đến của dự phóng, khi đọc Tô Thùy Yên, độc giả chạm vào những bào ảnh của kẻ khác từ trong *hữu thể* và nằm ngoài *hữu thể*. Tất cả tạo thành diễn ngôn đối thoại của các xung động thế giới: hữu hạn và vô hạn; vị thân và vị nhân; hủy diệt và tái sinh; chiếm hữu và chinh phục. Với tư duy nghệ thuật Tô Thùy Yên, hành trình đến với bản chất người là hành trình vượt thoát những mặt đối lập của các phạm trù tương phản như thể để đưa thân xác *tôi* đến với phạm trù dự phóng. Là kí mã những bào ảnh nghệ thuật về dị đồng giữa chiếm hữu và hiện hữu; giữa sự vật và nhân vị. Khi nhân vị lên tiếng, nghệ thuật, theo suy lí của Tô Thùy Yên, đồng hành với dự phóng phi lí<sup>3</sup>.

### 3. Kinh hoàng trước thương tật thời gian

Lo âu là cách thức kết nối giữa con người và vũ trụ. Là cách con người xác lập sự sống của mình trong vũ trụ toàn thể. Với tư duy hiện sinh, Tô Thùy Yên muốn trao quyền năng để tính cách người là một thực thể giữa vũ trụ. Lo toan là biểu hiện tâm tính nguyên sơ của loài người khi con người bận tâm đến sự vụng vẫy để được sống sót trong vũ trụ đa tạp. Từ chỗ ý thức về hiện hữu trong thế giới, cảm thức âu lo hiện sinh trong tư duy

---

<sup>3</sup>Xem thêm [5, tr.331 - 346].

nghệ thuật của thi sĩ đã đẩy loài người đến mỗi ràng buộc đảm nhận vai trò chủ thể đối với sự cứu vãn thế giới trăm luân<sup>4</sup>.

Lo âu và xao xuyến là song thoại của tư duy hiện sinh trong thơ Tô Thùy Yên. Đầu là tiếng kêu từ rung động hồ thẳm của vô thể làm kinh hãi con người<sup>5</sup>. Hồ thẳm trong thực thể ở đây là xung động của cơn đau câm nín khi loài người lịm đi trước *thương tật của thời gian*. Tác giả mang mặc cảm khi đối diện với phạm trù thời gian thương tật, theo nghĩa những vết tích lờ lói của một thời tao loạn: *quần ướp thời gian, dĩ vãng đục*

không dò, đêm cốt tủy đêm, đêm mất xác không gian. Trong hố thẳm của im lìm, cất lên tiếng kêu già trang của hoài nghi, bất tín. *Tình yêu già trang mới sâu phiêu bạt của Nhân thể trăm năm trong bất ngát thời gian. Tình yêu già trang tiếng dội nổi cô đơn của bản thân ta - tiếng dội lừa phỉnh (Bất tận nổi đời hung hãn đó).* Tâm tình sợ, cái mình sợ trong Dasein của thi giới Tô Thùy Yên là hệ lụy của lo khiếp/ kinh hoàng. Cái phát ra kinh hoàng lại chính là hữu tại thể. Tâm thức này mặc khải rằng người là một hữu tự do. Kinh hoàng là sự lay tỉnh Dasein trở về với chính mình. Hoàn cảnh bị đất đô thị miền Nam thời chiến đưa con người đến với kinh hoàng, xuất phát từ tâm thức của kẻ bị lưu đày, ruồng bỏ. Với tâm thức hiện sinh, thế giới chỉ có nghĩa khi người không là vô nghĩa. Vậy bản chất của kinh hoàng

---

<sup>4</sup>Khi bàn về sự tham gia, Heidegger đã quan tâm đến tính cách con người như là một thực thể cho vũ trụ. Với lập thuyết này, triết gia hiện sinh quan niệm về ý nghĩa tham gia của con người đối với ngoại giới phần lớn xuất phát từ sự lo toan gần như bản năng chống trả của con người đối với thế giới tàn bạo, tiềm tàng ngay trong tâm tính cổ sơ: *“Trong khi mãi mê hành động và lo toan, con người có lẽ không để ý tới ý nghĩa cuối cùng cả vũ trụ, mà chỉ lo toan làm sao để mình được sống sót trong vũ trụ tàn bạo này.* Hình như đầu tiên đã có một thời sự vật là để phục vụ cho con người và con người phục vụ cho vạn vật, nhưng cuối cùng con người bị ngoại vật lôi cuốn đến nỗi không còn gì là bản chất chân thực của mình nữa, hoàn toàn bị phóng thể vào ngoại vật [8].

<sup>5</sup>“Một trong những nơi chính yếu của sự cầm nín là sự xao xuyến hiểu như là sự kinh hãi mà trong đó hố thẳm của vô thể làm rung cảm con người. Vô thể xét như là cái khác với hiện vật là khăn che của hữu thể. Trong hữu thể một cách nguyên thủy tất cả sứ mệnh của sự vật đã được hoàn thành” [6].

là từ chối/ vượt thoát cuộc đời thực tại. Đạt đến chân lí bản thể người, được là Dasein, khuôn mặt thật của con người: *Tôi chạy cảm đầu trên sợi kinh hoàng/ Giăng qua đôi bờ vực lạnh hư vô (Thi sĩ).*

Tâm trạng của kẻ lưu đày, lưu vong ngay trên xứ sở là mặc cảm thường trực của những nghệ sĩ hiện sinh. Khi đời sống đọa đày nhấn chìm họ vào cõi trống rỗng. Chính thế giới trần trường ghê lạnh, đẩy những con người mang tư tưởng hiện sinh đến với sự trở về, đứng theo ý nghĩa con người cô đơn. Cũng chính là để xác tín

một tâm thế khác của cá thể đối với thân xác, giúp tìm thấy sự cứu rỗi để người không rơi xuống triền dốc suy đồi. Như tinh thần chủ nghĩa hiện sinh, là nhân bản thuyết<sup>6</sup>. Con người cô đơn, xung đột với thế giới vạn vật, tạo nên xung đột trong ý thức. Các nghệ sĩ hiện sinh miền Nam bấy giờ cũng lay nhiễm tình trạng cô đơn khốn khó và rơi vào thế thức kinh hoàng; vừa chấp nhận tình trạng cô đơn, vừa cứu mình ra khỏi sự hủy diệt tự thân. Nghĩa là thực hiện những giằng xé trong nội tại ý thức, để được hiện tồn. Tô Thùy Yên đứng trên góc độ nhân vị mang tâm tình hoàn cảnh như thế, để thương tật thời gian mung mù. Thời gian là thể tính “tri hoãn” trên diễn trình con người thực chứng sinh tồn. Dù là thân phận già trang, dù là mặt nạ lừa phỉnh của thế giới tình ái vây bủa Dasein trong thời gian hiện tồn của hữu thể, thi sĩ vẫn lặn trong hố thẳm xung động thanh âm: *Những người thuở trước như là mộng/ Diễm tuyệt dung nhan thảo mộc sâu/ Hương phấn bay lừng xa khỏi kiếp/ Tiếng cười xé rách núi sông đau (Và rồi tất cả sẽ người ngoại).* Hay đó là hợp âm của chôn vùi, tàn tạ: *Em chạy tìm anh ngoài cõi gió/ Lửa oan khóc giỡn cười ghê hồn/ Tiếng kêu đá lở long thiên cổ/ Cát loạn muôn trùng xóa*

---

<sup>6</sup>Có một sự gặp gỡ giữa chủ nghĩa nhân bản tiến hóa của Bergson và chủ nghĩa nhân bản hiện sinh của Sartre, đó là vật chất, sự sống, con người là những khuôn mặt của một năng lượng sống vô hạn được tạo thành từ *bản ngã sâu sắc* và *thời gian thâm kín* của con người. Tuy nhiên, nếu nhân bản vũ trụ của Bergson mang tính can khôn thì nhân bản thuyết của Sartre lại thiên về đề cao quyền uy của con người trên nền tư duy nhân bản hiện sinh nhân hình, cho rằng không có vũ trụ nào ngoài vũ trụ con người. Bài báo chủ yếu dựa vào nhân bản hiện sinh của Sartre để lí giải hiện tượng cô đơn của *tôi* giữa thiên nhiên và cô đơn ngay với chính mình trong tư duy nghệ thuật Tô Thùy Yên. Xin xem thêm [9].

*dấu chôn (Góa phụ).* Cũng có thể còn là uy lực tối thượng của hố thẳm im lặng “gầm như sấm sét” của “sự từ hồng”<sup>7</sup>. Khi rơi vào hố thẳm của bất lực, của sự tuyệt vọng man trá, của nhóp nhép lễ hội hóa trang cho cô đơn, phỉnh phờ, con người chấp nhận cầm nín trong sự dồn nén thực - hư. Mà Tô Thùy Yên đẩy lên thành mặc cảm tự trào, phản tự. Song tận cùng của thời gian thương tật là sự bùng vỡ của hố thẳm bóp nghẹt tàn hơi quyền lực của khát vọng *tự do*. Bản thể người tự lột mặt nạ trước con nói mê trùng phức hốt hoảng: *Đêm/ Đêm*

*lót trái giường nghỉ ngơi thom/ Đêm hạ thấp chập chờn  
cung bực những xô xao/ Đêm vênh tai tâm sự nguôi  
ngoại/ Đêm thời gian tàn hơi tắt lịm. Đêm cốt tủy đêm/  
Đêm xóa bỏ/ Xóa bỏ (Bất tận nỗi đời hung hãn đó). Âm thanh hoàn toàn câm nín: Tiếng kêu réo đuối trong thăm thẳm. “Bên kia tiếng hét” là im lặng; là thách thức với bản thể và với tha nhân<sup>8</sup>.*

Thời gian trong thơ Tô Thùy Yên mang ấn ức phân rã: *Năm tháng nhúng hoàng hôn/ Đến rã rời thể xác (Thân phận của thi sĩ)*. Với ý nghĩa thân xác hiện sinh, khiếm khuyết, chấn thương thời gian là đọa tính thời gian của không khí miền Nam trong loạn li: *cô tịch bụng ồn như máu tuôn* là cảm nhận môi trường sống đầy ám ảnh của kẻ thác loạn trong cơn giãy giụa cứu mình ra khỏi *vành lạc, chân không*. Cảm thức không gian hồ thẳm kinh động, đẩy thân xác đến với quyền lực nín bật đến tức nghẹn vỡ òa. Tô Thùy Yên nâng thể tính thời gian thành phạm trù thời gian hiện thể, phân khúc ý nghĩa tiềm tại của đời người: *thời gian mất trí trắng vô âm, thời gian đứt quãng, thời gian chết xanh, đêm đã gói lại im lìm*. Bóng đêm là khách thể đồng lõa với nỗi lo khiếp của con người hiện sinh. *Tôi là thân xác tôi*, chứng thực cho thời gian tổn thương thể giới tinh thần

<sup>7</sup>Xem thêm [11].

<sup>8</sup>Lí giải theo quan niệm bi kịch của Adrian Poole, chi thông qua nhân hình, khẩu hình, người ta nghe thấy âm thanh “không có âm thanh”; đó là âm thanh khủng khiếp phát ra từ cảm thức. “Ở đâu có bi kịch, ở đó có một mức độ đo lường âm thanh” [10, tr.184] và tiếng hét bi kịch là hệ lụy của sự cộng hưởng giữa sâu khổ và tức giận, “vượt khỏi tiếng hét, tức là thách thức: không chỉ để cất tiếng nói lên sự thống khổ của các nạn nhân, mà còn tạo ra cái mặt nạ cho nghệ thuật” [10, tr.186].

con người: *Đêm lịm chầy khuya, trăng nhợt sương/ Liễu đi đầu tóc xô canh trường/ Con chim lạc bạn kêu trời rộ/ Hồn chết trôi miền dạ lí hương (Vườn hạ)*. Nhà thơ ứng xử với thời gian theo cái nhìn khơi vào bi kịch âm thanh, khai phóng thăm kịch tinh thần kiếp người va động trong môi trường thăng thốt: *Đàn chim trở chuyển qua sông/ Tiếng kinh hoảng túa một vùng quanh hiu (Mộ khúc)*.

#### 4. Con người xa lạ và phức cảm giãy chết

Theo tư duy hiện sinh, kinh hoàng đưa con người đến với xa lạ, xa lạ ngay với chính mình. Cuộc sống thực tế phi nghĩa lí, phồn tạp của xã hội Phương Tây là diễn cảnh của văn học phi lí. Camus, một trong những nhà văn hiện sinh với triết thuyết về *kẻ xa lạ* và sự tự do phi lí, cho rằng sống là làm cho cái phi lí sống. Tức là phải nhìn thẳng vào nó. Từ quan niệm thể giới bên ngoài bao trùm sự ngột ngạt, con người trong Tô Thùy Yên mang cảm thức lưu đày của con người xa lạ theo triết thuyết hiện sinh phi lí/ phi lí phản kháng của Camus. Trên tinh thần đó, nhà thơ khoác cho sự sống giá trị ràng buộc với ý thức; chủ thể trữ tình chấp nhận cô đơn, xa lạ như nhu cầu tất yếu của bản thể, để sẵn tìm miền nội tâm bị đánh cắp của con người. *Tôi đứng đưng, ghê lạnh với chính sự tồn tại của bản ngã: Hoàng hôn xô bóng ta trên cát/ Ta lớn lao và ta cô đơn/ Ngưỡng mộ cây xương rồng gượng gượng/ Thân trần đứng lẻ giữa đồng tron (Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai)*. Mang tư duy hiện sinh, Tô Thùy Yên quan niệm cô đơn là phạm trù thuộc về định mệnh, thăm thía tình trạng khốn khó của con người: *Tôi mộng du trên trái đất mòn/ Nơi tôi vắng mặt/ Để làm gì ý thức/ Tôi van nài tôi hãy xót thương tôi (Thi sĩ)*. Con người đi tìm chính mình, định mệnh buộc họ lạc lõng và lạc giọng. Đó là thân phận phi lí ở cấp bản thể: *Toa nệm lúc nhúc hồn oan khốc/ Đèn bão mờ soi chẳng rõ ai/ Ta gọi rưng rờ ta thất lạc/ Ta còn chẳng đủ nữa ta đây (Tàu đêm)*. Từ đó, chủ thể trong chuỗi kinh hoàng - cô đơn - xa lạ đã chìm vào trong hành xử “nhân bản” với cái chết, một phạm trù hệ lụy của những trạng thái hiện sinh. Có thể suy ra thành phức cảm giãy chết. Là sự hiển hiện, thuộc về đời và là định mệnh của đời. Vì vậy theo Heidegger, cái chết là sự khả hữu tuyệt đối của ta. Là đạt đến sự tự do trước cái chết. Bàn về cái chết - sự đánh mất ý nghĩa sự sống, sự tàn lụi của niềm hi vọng, Tô Thùy Yên đã lập nên cách nghĩ triết lí nhân bản về phận người, thấu nhận lấy cái chết như nỗi niềm bi phần. Khẳng định ý nghĩa đời sống có nghĩa: *Một lão mù hành khát/ Bị đánh cắp cây đàn/ Mưa máu chết uất ức (Ngụ ngôn)*. Là “chết trong niềm rạo rục phản kháng”<sup>9</sup>. Hay cũng là cách để con người nghiệm ra thân mình đang sống đếm tuổi đời già nua: *Cái chết lâu như nỗi héo hơn dần*.

Từ kinh hoàng, con người hiện sinh trừu xuất sự giãy chết. Ý thức tự do bằng hiện hữu, nhà thơ hiện sinh Tô Thùy Yên đối mặt và ném trái cái chết, trạng thái đón nhận cái chết như thể đó là sự phân xé thân xác

trong lần ranh thực tại và hư vô. Là ý thức phản kháng của con người phi lí, giãy chết để tự do trước định mệnh bi tráng của con người<sup>9</sup>: *Chiều không trung chết vật vờ (Mộ khúc)*. Con người ý thức nổi cô đơn hiện sinh, tạo ra thể thăng bằng cho chủ thể. Đón nhận hữu thể, con người hân hoan đi về phía định mệnh, cải hóa cái chết trong quan niệm tái sinh: *Ôi, những vầng lá khô quay đảo/ Điều luân vũ sinh ly tử biệt vàng óng bạt ngàn trên cõi thế chuyển mùa/ Vạn vật chết đi và tái sinh (Bất tận nổi đời hung hãn đó)*. Đường như ở các nhà thơ hiện sinh phi lí, sự giãy chết song thoai với sự đón nhận cái chết như được sắp đặt: *Một vòng hoa trôi tới chân anh (...)* *Một vòng hoa trùm lấy thân anh/ Bàn ghế thoi thóp thờ (...)* *Một vòng hoa đặt xuống đời anh (Đạ khúc, Trần Dạ Từ)*.

Đứng trên quan điểm về cái chết của chủ nghĩa hiện sinh, Tô Thùy Yên đặt ra nhãn quan về sự chết trong sự sống, một sự sống đã bị rút tĩa ý nghĩa, giá trị. Là phóng chiếu của môi trường hiện sinh: sự hốt hoảng và cả sự

bị đánh cắp đột ngột. Ngay cả cái ngược nhìn trong Rimbaud là *bạo động và thể giới vô nghĩa*<sup>12</sup>. Đi trong kiêu hãnh và trở về trong bạc mệnh, có thể xem là tâm thế phổ biến của các triết gia hiện sinh. Và đến văn học hiện sinh, Tô Thùy Yên cũng chào đón cuộc đời và quay về cuộc đời trong sự khai sinh và hủy diệt như thế. Sự tàn bạo, trở thành mặc cảm khi chủ thể ý thức về phận người. Đây là tiếng kêu thống thiết, không lời đồng vọng của kẻ nghệ sĩ lãng du, đi và chết. Tuy nhiên điều đáng nói ở thi giới Tô Thùy Yên là khi con người không còn chỗ trú ẩn, cũng là lúc họ tìm về với sự chết. Nhà thơ chạy trốn sự dữ dội bằng những đối thoai đầy mâu thuẫn giữa sự bỏ đi tàn nhẫn và con níu kéo của tha nhân, giữa quan niệm cắt đứt và ở tại trần gian. Có khi đó là cứu cánh buộc người gặm nhấm nỗi thống khổ của loài người mang thân phận vong thân, trần trọc với những mặc cảm tội lỗi. Như quan niệm của Heidegger, người sinh ra là để chết. Cũng như ruộng bỏ là con đẻ của tự do. Chính vì thế, sống là tri hoãn, đưa đến tự ngã bên kia năm mờ<sup>13</sup>. Ngay thời điểm đối mặt với cõi chết, con người đạt đến tuyệt đích của tự do: *Con người ta dần nhẹ thể phong lưu/ Giữa chấp chùng giông bão cấp thời/ Ôi, những rặng cây mang án tử hình treo (Bất tận nổi đời hung hãn đó)*.

An nhiên trong địa ngục trên mặt đất, người hiện sinh chất vấn hiện hữu và hư vô. Dầu giãy chết là phức cảm để con người được hiện sinh, nhưng trong sâu thẳm hữu thể là nỗi chịu đựng, tự vấn: *Cỏ cây sống chết há ta*

<sup>9</sup>“Tinh thần phản kháng là một trong những kích thước cốt yếu của con người (...) Tư tưởng phản kháng là một trạng thái triền miên không dứt” [4, tr.62-63]. Theo tinh thần phản kháng của Camus, con người không thể thâm tóm trong nỗi loạn nhưng lại là nguyên do để con người thâm nhuần lẽ phi lí. Kể cả cái chết, một sự phi lí thuộc về lịch sử con người.

<sup>10</sup>Dựa theo đề tài tự do trong hiện sinh của Jaspers, đó là mâu thuẫn tính của tự do, đẩy con người đến với những mâu thuẫn trong những lựa chọn để hiện tồn. Trong đó đối diện với cái chết là một hình thái tự do phi lí. Tư duy nghệ thuật thơ Tô Thùy Yên một phần đi trên tâm thức tự do phi lí kiểu Jaspers. Xin xem thêm [3, tr36- 43].

điên loạn<sup>11</sup>. Sự bất định của cuộc đời hiện hữu đẩy người hiện sinh đến với tâm lí thể hiện phản kháng cõi sống bằng ám ảnh không nguôi về phức cảm của sự chết. Như quan niệm về tinh thần phản kháng của ban sơ, không đành lòng chấp nhận phận mỏng manh phù du trước vô thường. Phản kháng tự thân đã là giải phóng. Theo tư duy kinh động hổ thảm của Rimbaud, với sự đánh cắp trái tim của đám đông, loài người chôn cất cuộc đời hiện hữu. Và từ tư duy về cuộc đời vắng mặt, Tô Thùy Yên cũng thể hiện phần nào tinh thần của cái

<sup>11</sup>Adrian Poole gọi người chết đang sống là “phiên bản của địa ngục trên mặt đất”. Xin xem thêm [10, tr.83].

<sup>12</sup>Xin xem thêm [12].

<sup>13</sup>Xin xem thêm [13].

*Thán / Em khóc hoài chi lẽ diệt sinh/ Thăng như con ngựa già vô dụng/ Chủ bỏ ngoài trăng đứng một mình (Góa phụ)*. “Tự do trước cái chết chính là giải phóng” (Heidegger, 1968, tr.87). Tô Thùy Yên đã tự do lựa chọn kinh nghiệm sống, là ứng xử với cái chết như hành vi kết án tự do<sup>14</sup>. Con người thỏa mãn hành vi giãy chết cũng là trở về tuyệt đích của nhu cầu tự do. Và triết nghiệm về sự chết ở cuối con đường sự sống, sự sống bắt từ là phi nhân bản chính là kinh nghiệm hư vô, đón nhận cái chết với thể đứng của một bản lĩnh / bản sắc

nhân vị. Không có sự chết, con người sẽ rơi vào phi lí<sup>15</sup>. Người sẽ lọt thỏm vào hoang đường khi chạy trốn cái chết. Đây là tâm thế mà thi giới Tô Thùy Yên đã gán cho phận người triết lí về thể tính chân lí hiện sinh, kể cả cái chết/ cái chết của nghệ thuật, là nhân bản.

## 5. Kết luận

*Tôi gầy yếu lặng với âm thanh.* Khởi nguồn cũng là đóng dấu cho một chặng đời sáng tác của nhà thơ hiện sinh miền Nam Tô Thùy Yên, văn học miền Nam thời chiến, những thập niên 60 - 70 của thế kỉ XX. “Cái

---

<sup>14</sup>Theo lập thuyết của Heidegger, cái chết đối với Dasein (hiện thể tính) là sự đối diện với khả tính, là dự tưởng tự do, giải thoát. Xin xem thêm [7].

<sup>15</sup>Huỳnh Phan Anh quan niệm về tính phi nhân bản của quan niệm sự sống là bất tử, đưa ra giả thuyết về sự sống không có cái chết và dẫn giải điều không tưởng khi người nghệ sĩ bất tử hóa sáng tạo nghệ thuật của mình một cách hiện sinh: “Sống là gì nếu không là mặc nhiên khẳng định yếu tính của mình như một khả hữu của cái chết. Sự sống có ý nghĩa vì có sự chết ở cuối đường định mệnh nó. Hình ảnh một cái gì bất tử sẽ đặt con người trước một phi lí: con người không thể chết, không thể hoàn thành định mệnh, không thể thực hiện bản tính của mình. Bất tử là một sự kiện phi nhân bản. Trong viễn tượng đó, dự phóng của nhà văn phải chăng không xa lạ gì với hoài bão của một nhà tôn giáo khi họ mặc nhiên vĩnh cửu hóa cuộc sống của họ bằng tác phẩm [1, tr.49].

khác” trước tiên tự thân nằm ở thời tính ra đời của văn bản nghệ thuật hiện sinh, một lối rẽ đầy cá tính sáng tạo. Với tâm thế của kẻ sống trong cơn kinh hoàng của kiếp người, lược đồ nội cảm của cái *tôi* chịu nhiều áp lực.

Mâu thuẫn, rúng động và cả niềm bi đát. Chủ thể phân rã tinh thần thành những mảnh ghép cá thể. Mang hình nhân của sự cô đơn, lưu đày, chủ thể tự thú là kẻ khâu vá thương tật định mệnh của kiếp nhân sinh. Tư duy nghệ thuật thơ Tô Thùy Yên là sự nối dài nhân bản thuyết với phức cảm hiện sinh phi lí là chủ âm của tiếng nói trữ tình.

## Tài liệu tham khảo

- [1] Huỳnh Phan Anh (1968), Văn chương và kinh nghiệm hư vô, Hoàng Đông Phương xuất bản, Sài Gòn.
- [2] Bochenski (1969), Triết học Tây phương hiện đại, Ca dao xuất bản, Sài Gòn.
- [3] Campbell, Tìm hiểu chủ nghĩa hiện sinh, Tao Đàn xuất bản, Sài Gòn.
- [4] Camus (1968), Con người phản kháng, Võ Tánh xuất bản.
- [5] Trần Thái Đình (2008), Triết học hiện sinh, Nxb Văn học, H.
- [6] Heidegger (2004), Tác phẩm triết học, Nxb Đại học Sư phạm, H.
- [7] Heidegger (1968), Về thể tính của chân lí, Hoàng Đông Phương xuất bản, Sài Gòn.
- [8] E. Mounier (1970), Những chủ đề triết hiện sinh, Nhị Nùng xuất bản, Sài Gòn.
- [9] André Niel (1969), Những tiếng kêu lớn của chủ nghĩa nhân bản hiện đại, Ca dao xuất bản, Sài Gòn.
- [10] Adrian Poole (2012), Bi kịch, Nxb Tri thức, H.
- [11] Tuệ Sỹ (2012), Thắng Man giảng luận, Nxb Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh
- [12] Phạm Công Thiện (1966), Im lặng hỏ thăm, An Tiêm xuất bản, Sài Gòn.
- [13] Lê Thành Trị (1974), Hiện tượng luận hiện sinh, Trung tâm học liệu xuất bản, Sài Gòn.

## ILLOGICALNESS COMPLEXES IN TO THUY YEN'S POETRY WORLD

**Abstract:** To Thuy Yen is a wartime Southern existentialistic poet with his artistic thinking based on illogicalness complexes. The poet of time-shaped injuries played the role of a stranger, dissecting existential complexes in order to flee from the sufferings of the human condition. To Thuy Yen's poetry world originated from a strange sense of being alone with physical rebellions in the face of the perception of dying time. In his obsessional view with figures filled with dread and anxiety, the beings in To Thuy Yen's poetry world struggled to find out answers to illogicalness propositions. Time, space and humans in To Thuy Yen's philosophy shared the same trauma-hit fate. He has built up an art conception based on the embodiment of existential consciousness.

**Key words:** illogicalness; beings; To Thuy Yen; art conception; existential consciousness.